

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị
chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Huế**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số
87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14;

*Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở số
30/2023/QH15;*

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt
động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành
một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số
điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một
số điều của luật lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 183/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành
một số điều của luật lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ Nghị định về một số chính
sách đầu tư trong Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định phân định
thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của
Bộ Nông nghiệp và môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 227/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà
nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định Quy chế phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2026.

Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy chế phối hợp các lực lượng tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường,
- HĐND, TT.HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố;
- UBND cấp xã;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- VP: các PCVP và CV;
- Lưu: VT, NN.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Toàn

QUY CHẾ

Phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2026/QĐ-CTUBND ngày 12 tháng 01
năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về nguyên tắc phối hợp, nội dung phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia phối hợp chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Huế.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp thực hiện nhiệm vụ chữa cháy rừng giữa các lực lượng đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và sự điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp; phát huy sức mạnh của toàn dân và của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Đảm bảo sự chỉ đạo, chỉ huy, điều hành thống nhất, tập trung; sự phối hợp chặt chẽ các lực lượng tham gia chữa cháy rừng căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của cơ quan Kiểm lâm, Công an, Quân đội từ thành phố đến cấp xã.

3. Việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực Lâm nghiệp phải kiên quyết, chủ động, nhanh chóng, kịp thời, khách quan, đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng

a) Các thiết bị, phương tiện cơ giới như xe chữa cháy, xe chữa cháy rừng, máy phun nước, máy thổi gió, cưa xăng, máy bơm chữa cháy xách tay, máy ủi, máy cày, máy phun đất, xe, máy chuyên dùng phun nước, hóa chất chữa cháy rừng và các phương tiện khác.

b) Dụng cụ thủ công: Như bàn đập lửa, rựa, cuốc, xẻng, thùng tưới nước, cành cây,...

2. Hậu cần chữa cháy rừng

a) Hậu cần cho lực lượng tham gia chữa cháy rừng bao gồm: Bảo hộ lao động (quần áo, giày, mũ, đèn pin, bình nước cá nhân, thuốc, bông băng cấp cứu,...) để phục vụ cho lực lượng chữa cháy tại chỗ và lực lượng được huy động tại địa phương, đảm bảo cung cấp nước uống và thực phẩm cho lực lượng tham gia chữa cháy rừng.

b) Hậu cần cho phương tiện, thiết bị chữa cháy bao gồm: Xăng, dầu phục vụ cho phương tiện, thiết bị cơ giới; nước, hóa chất phục vụ cho xe, máy phun nước, hóa chất chữa cháy rừng; điếm lấy nước cho xe chữa cháy.

3. Công trình phòng cháy, chữa cháy rừng: Là hệ thống các công trình được thiết lập, xây dựng để thực hiện việc phòng cháy rừng hoặc sử dụng để chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra, bao gồm: Đường băng cản lửa, kênh, mương ngăn lửa; suối, hồ, đập, bể chứa nước, trạm bơm, hệ thống cấp nước chữa cháy; chòi quan sát phát hiện cháy rừng; hệ thống biển cấm, biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy rừng; hệ thống dự báo, cảnh báo cháy rừng và các công trình khác phục vụ cho phòng cháy, chữa cháy rừng.

4. Đường băng trắng cản lửa: Là những dải đất trống đã được chặt trắng cây, thu dọn hết cây cỏ, thảm mục, vật liệu cháy hoặc đường lâm nghiệp, đường tuần tra bảo vệ rừng nhằm ngăn cản lửa rừng khi xảy ra cháy.

5. Băng đốt trước (dùng lửa đập lửa): Trước đám cháy không xa, dọn hai băng song song bao quanh đám cháy; trên hai băng tiến hành dọn sạch tất cả vật liệu cháy ra bên ngoài về phía giữa hai băng, sau đó đốt từng đoạn, khi đốt phải thận trọng không để lửa cháy lan ra ngoài; tuyến lửa đốt trước này là tuyến có điều khiển, an toàn và khẩn trương; tùy theo tốc độ gió và quy mô đám cháy mà khoảng cách giữa hai băng cho thích hợp.

6. Đường băng xanh cản lửa: Là những dải băng rừng được trồng cây rừng hỗn giao hoặc thuần loài, gồm những loài cây có khả năng chịu lửa tốt, khó cháy, có tác dụng ngăn cản cháy rừng lan qua.

7. Các đơn vị liên quan: Công an, Quân đội, chủ rừng, các sở, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức trong và ngoài nước,... trên địa bàn thành phố Huế.

8. Quy mô cháy

a) Đám cháy nhỏ: Đám cháy mới phát sinh, quy mô đám cháy dưới 01 ha và không có nguy cơ cháy lan sang các khu vực giáp ranh; có thể kiểm soát được bởi lực lượng chữa cháy rừng tại chỗ của chủ rừng hoặc của cấp xã.

b) Đám cháy trung bình: đám cháy có quy mô từ 01 ha đến 03 ha, nhưng chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã chưa kiểm soát, dập tắt được, có nguy cơ cháy lan

sang các khu vực giáp ranh; cần huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng của các địa phương giáp ranh.

c) Đám cháy lớn: Đám cháy có quy mô từ 03 ha trở lên, chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã và các địa phương giáp ranh không kiểm soát, dập tắt được, có nguy cơ cháy lan sang các khu vực giáp ranh; cần huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng của thành phố.

Điều 4. Nguyên tắc chữa cháy rừng

1. Chủ động, sẵn sàng về lực lượng, phương tiện, thiết bị cho hoạt động chữa cháy rừng, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và các lực lượng tham gia công tác chữa cháy rừng.

2. Thông tin về nguy cơ và cháy rừng phải được thông báo nhanh chóng, kịp thời cho chính quyền địa phương và cơ quan chuyên trách về phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Thống nhất chỉ huy, phối hợp chặt chẽ các lực lượng được huy động tham gia chữa cháy rừng.

4. Thực hiện đúng phương châm 04 tại chỗ (*chỉ huy, lực lượng, phương tiện và hậu cần*), kết hợp 5 sẵn sàng (*thông tin, chỉ huy, lực lượng, phương tiện và hậu cần*) để sẵn sàng ứng phó kịp thời, hiệu quả khi cháy rừng xảy ra; khi vụ cháy vừa xảy ra, chủ rừng, lực lượng chính quyền địa phương cấp xã, lực lượng Kiểm lâm phải nhanh chóng huy động lực lượng tham gia chữa cháy ban đầu để kịp thời ngăn chặn; việc huy động các lực lượng khác khi có nguy cơ cháy lớn và vượt khả năng kiểm soát, khống chế của lực lượng tại chỗ.

Điều 5. Yêu cầu trong chữa cháy rừng

1. Huy động tối đa lực lượng, phương tiện và thiết bị, dụng cụ để chữa cháy.

2. Dập tắt lửa phải khẩn trương, kịp thời và triệt để.

3. Hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về mọi mặt do cháy rừng gây ra.

4. Đảm bảo an toàn tuyệt đối tính mạng, phương tiện, tài sản của nhân dân và người tham gia chữa cháy. Trường hợp có người bị thương phải sơ cứu và đưa đi cấp cứu kịp thời, nếu bị thương nặng hoặc tử vong phải lập biên bản để có cơ sở giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia chữa cháy bị nạn.

5. Trong trường hợp cháy rừng xảy ra trên diện rộng có nguy cơ gây thảm họa dẫn đến tình trạng khẩn cấp thì việc chữa cháy rừng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Mục 1

QUY ĐỊNH VỀ LỰC LƯỢNG CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 6. Phân công, phối hợp của các lực lượng tham gia chữa cháy rừng

1. Lực lượng tham gia chữa cháy rừng thành phố

Khi xảy ra cháy rừng lớn, có nguy cơ cháy lớn (vượt quá khả năng, kiểm soát và chữa cháy của Ủy ban nhân dân cấp xã) hoặc cháy rừng khu vực giáp ranh giữa các xã, phường; khu vực giáp ranh giữa thành phố Huế với thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Trị, lực lượng tham gia chữa cháy rừng cấp thành phố gồm:

a) Lực lượng chính: Chủ rừng; Công an thành phố; Kiểm lâm.

b) Lực lượng phối hợp: Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, các đơn vị Quân đội thuộc Bộ Quốc phòng và Quân khu đóng quân trên địa bàn thành phố, lực lượng tại địa phương nơi xảy ra cháy rừng, các chủ rừng khác; lực lượng các đơn vị liên quan theo yêu cầu thực tế.

2. Lực lượng tham gia chữa cháy rừng cấp xã

Khi xảy ra cháy rừng trên địa bàn xã, phường hoặc cháy rừng khu vực giáp ranh giữa các xã, phường; lực lượng tham gia chữa cháy rừng cấp xã, gồm:

a) Lực lượng chính: Chủ rừng; Công an cấp xã; Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã; Lực lượng Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố được phân công phụ trách địa bàn; Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng; Hạt Kiểm lâm khu vực.

b) Lực lượng phối hợp: Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực; Dân quân tự vệ; lực lượng dân phòng; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở; tổ đội phòng cháy, chữa cháy rừng của thôn, tổ dân phố nơi xảy ra cháy rừng và địa phương giáp ranh; lực lượng các đơn vị liên quan.

Điều 7. Phân công, phối hợp chỉ huy chữa cháy rừng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, chỉ huy toàn diện hoạt động chữa cháy rừng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 10 và khoản 8 Điều 13 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và môi trường.

Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chưa có mặt tại hiện trường:

a) Người có chức vụ cao nhất của lực lượng Kiểm lâm có mặt tại hiện trường vụ cháy là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng.

b) Khi cháy rừng tại thôn, tổ dân phố mà chưa có người chỉ đạo, chỉ huy theo quy định tại điểm a khoản này thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng.

c) Trường hợp khi chưa có người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì chủ rừng là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng.

2. Nhiệm vụ của người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng

a) Nhiệm vụ của người chỉ đạo chữa cháy rừng: Chỉ đạo toàn diện hoạt động chữa cháy rừng; huy động, điều phối và phân công các lực lượng, người, phương tiện, thiết bị, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy rừng; bảo đảm các điều kiện chữa cháy rừng như giao thông, trật tự, thông tin liên lạc, hậu cần, y tế.

b) Nhiệm vụ của người chỉ huy chữa cháy rừng: Trực tiếp điều hành các lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng; tổ chức khảo sát đám cháy; xác định vị trí, hướng chữa cháy chính và việc triển khai lực lượng, phương tiện, thiết bị cần thiết để chữa cháy, các biện pháp để chữa cháy; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy, các hoạt động hỗ trợ trong công tác chữa cháy rừng.

c) Quyết định phân chia khu vực chữa cháy và điều phối, chỉ định người chỉ huy của từng lực lượng chữa cháy rừng theo từng khu vực; phối hợp với các lực lượng tổ chức bảo vệ khu vực chữa cháy, hiện trường vụ cháy; áp dụng các biện pháp bảo vệ tài liệu, đồ vật phục vụ công tác điều tra vụ cháy, xác định nguyên nhân cháy rừng theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức tập hợp lực lượng, thu hồi phương tiện trở về đơn vị khi kết thúc nhiệm vụ chữa cháy rừng; sau khi dập tắt đám cháy, yêu cầu phải thường xuyên kiểm tra hiện trường để đám cháy không bùng phát trở lại.

đ) Báo cáo lãnh đạo cấp trên trực tiếp quản lý hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền về tình hình, diễn biến của đám cháy. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

3. Người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy chịu trách nhiệm về quyết định của mình và có các quyền sau:

a) Sử dụng lực lượng, phương tiện, thiết bị thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy.

b) Đề nghị người có thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia chữa cháy theo quy định của pháp luật.

c) Quyết định việc di chuyển, phá dỡ chướng ngại vật, tài sản để cứu nạn, cứu hộ, ngăn chặn nguy cơ cháy lan theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thẩm quyền huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị trong chữa cháy rừng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền huy động, điều phối và phân công lực lượng, người, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy rừng; người đứng đầu cơ quan, tổ chức được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình.

a) Trường hợp đám cháy nhỏ, trung bình có nguy cơ cháy lan sang các khu vực giáp ranh; người có thẩm quyền huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

b) Trường hợp đám cháy lớn, lan tràn nhanh trên diện rộng và có nguy cơ cháy lan sang các khu vực giáp ranh, vượt quá khả năng kiểm soát và chữa cháy của Ủy ban nhân dân cấp xã; người có thẩm quyền huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

2. Khi nhận được lệnh điều động của cấp có thẩm quyền, người đứng đầu các lực lượng công an, quân đội, các cơ quan, tổ chức,... nhanh chóng huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị tham gia chữa cháy rừng theo quy định, trực tiếp quản lý người, phương tiện, thiết bị, tài sản phối hợp tham gia chữa cháy.

Điều 9. Thủ tục huy động lực lượng, người, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, tài sản để tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức huy động lực lượng, người, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, tài sản thuộc phạm vi quản lý để tham gia chữa cháy rừng; việc huy động lực lượng, phương tiện và tài sản chữa cháy rừng phải được thể hiện bằng lệnh huy động theo Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; trường hợp khẩn cấp, lệnh huy động có thể bằng lời nói, nhưng trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc phải thể hiện lệnh đó bằng văn bản. Người ra lệnh bằng lời nói phải xưng rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, đồng thời phải nêu rõ yêu cầu về người, phương tiện, tài sản cần huy động, thời gian, địa điểm tập kết.

2. Người có thẩm quyền quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều 26 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 thực hiện việc huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản thuộc phạm vi quản lý để tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bằng văn bản hoặc mệnh lệnh; trường hợp huy động bằng mệnh lệnh thì ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải thể hiện bằng văn bản theo Mẫu số PC10 kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và gửi cho đơn vị, cá nhân được huy động.

Điều 10. Trách nhiệm chữa cháy, tham gia chữa cháy rừng

1. Người có mặt tại nơi xảy ra cháy rừng phải tìm mọi biện pháp để ngăn chặn cháy lan và dập tắt đám cháy; người tham gia chữa cháy phải chấp hành mệnh lệnh của người chỉ huy chữa cháy.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, chủ rừng, có trách nhiệm tổ chức chữa cháy thuộc phạm vi quản lý; huy động lực lượng, người, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, tài sản theo thẩm quyền tham gia chữa cháy theo đề nghị của người chỉ huy chữa cháy.

3. Các lực lượng Công an, Kiểm lâm, Quân đội, dân quân tự vệ, lực lượng dân phòng; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và địa phương giáp ranh với địa phương nơi xảy ra cháy có trách nhiệm huy động lực lượng, người, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy khi người chỉ huy chữa cháy đề nghị.

4. Cơ quan y tế, điện lực, cấp nước, môi trường đô thị, giao thông và cơ quan, tổ chức, đoàn thể khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp tham gia chữa cháy ngay khi có yêu cầu của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền hoặc người chỉ huy chữa cháy; điều động người và phương tiện, thiết bị thuộc phạm vi quản lý đến nơi xảy ra cháy để tham gia, hỗ trợ chữa cháy khi được huy động.

5. Lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm tổ chức bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ khu vực chữa cháy; tham gia chữa cháy; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho lực lượng, phương tiện đi chữa cháy được lưu thông nhanh nhất.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương giáp ranh với địa phương nơi xảy ra cháy có trách nhiệm huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy khi người chỉ huy chữa cháy đề nghị.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 11. Tiếp nhận và xử lý thông tin cháy rừng

1. Cơ quan, đơn vị tiếp nhận thông tin cháy rừng

a) Cấp thành phố: Công an thành phố; Chi cục Kiểm lâm; Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; Tổng đài 112 của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố (đặt tại Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố).

b) Cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã; Công an cấp xã; Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã; Hạt Kiểm lâm khu vực.

c) Chủ rừng và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

d) Cơ quan, đơn vị tiếp nhận khác: các Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng; Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự và các đơn vị Quân đội thuộc Bộ Quốc phòng và Quân khu đóng quân trên địa bàn thành phố.

Khi tiếp nhận tin báo cháy rừng, người nhận tin báo phải hỏi rõ và ghi vào sổ tiếp nhận các thông tin sau: Họ tên, địa chỉ, số điện thoại (nếu có) của người báo cháy; địa điểm, thời gian xảy ra cháy; những thông tin về đám cháy như: Loại rừng xảy ra cháy, diện tích đám cháy, nguy cơ cháy lan, nguy cơ ảnh hưởng đến khu vực dân cư và những thông tin khác liên quan đến đám cháy; đồng thời, báo cáo ngay thông tin đã tiếp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14.

2. Xử lý thông tin cháy rừng

a) Cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này khi nhận được tin báo về cháy rừng xảy ra trong địa bàn được phân công quản lý phải nhanh chóng huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ đến tổ chức chữa cháy, đồng thời báo cho các cơ quan, đơn vị cần thiết khác biết để chi viện chữa cháy.

b) Cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này khi nhận được tin báo cháy ngoài địa bàn được phân công quản lý phải bằng mọi cách nhanh chóng báo cho các cơ quan, đơn vị quản lý địa bàn nơi xảy ra cháy biết để xử lý và tham gia chữa cháy rừng; đồng thời báo cáo cấp trên quản lý trực tiếp để xem xét, quyết định điều động lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ đến chữa cháy khi có yêu cầu phối hợp.

Điều 12. Các biện pháp chữa cháy rừng

1. Biện pháp chữa cháy

a) Biện pháp chữa cháy rừng trực tiếp: Sử dụng tất cả các phương tiện, thiết bị từ thủ công đến cơ giới hiện đại, như: cành cây, rựa, bàn đập lửa, cào, bình tưới nước, máy bơm phun nước, máy thổi gió,... và hoá chất tác động trực tiếp vào đám cháy để dập tắt lửa; thường áp dụng đối với đám cháy có diện tích nhỏ hoặc cháy trên bề mặt đất.

b) Biện pháp chữa cháy rừng gián tiếp: Dùng lực lượng, phương tiện và thiết bị để cô lập đám cháy, thường áp dụng cho đám cháy lớn, cường độ cháy cao, tốc độ lan truyền nhanh và diện tích khu rừng cần bảo vệ lớn, cụ thể: dùng băng trắng ngăn lửa, băng đốt trước (dùng lửa đập lửa), đào kênh, mương, rãnh để chống cháy ngầm và chữa cháy.

2. Phương pháp bố trí lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy

a) Đối với rừng mà phương tiện cơ giới chữa cháy không thể tiếp cận được thì phải huy động tối đa lực lượng và các phương tiện khác để chữa cháy

- Dụng cụ thủ công như: Dao, rựa, cuốc, xẻng, bàn đập lửa, cành cây,...
- Máy phun nước, máy bơm chữa cháy xách tay, máy thổi gió, cưa xăng,...

b) Đối với rừng có thể đưa phương tiện cơ giới vào chữa cháy thì phải huy động tối đa phương tiện cơ giới để chữa cháy gồm: Xe ô tô chữa cháy chuyên dụng, xe mô tô chữa cháy chuyên dụng, xe chở nước,...

3. Chữa cháy rừng tại hiện trường có đạn nổ

a) Trường hợp hiện trường cháy có tiếng nổ do đạn, bom, mìn và vật liệu nổ khác còn sót lại sau chiến tranh, chỉ huy chữa cháy ngay lập tức chỉ đạo lực lượng chữa cháy tránh xa khu vực cháy, không được dùng phương pháp dập lửa trực tiếp hoặc phương pháp đốt ngược để chữa cháy nhằm đảm bảo an toàn tính mạng con người.

b) Áp dụng phương pháp chữa cháy gián tiếp, làm đường băng trắng trước hướng lan truyền của đám cháy; khoảng cách từ đường băng trắng đến đám cháy và độ rộng của đường băng trắng tùy thuộc vào địa hình, tốc độ lan truyền của đám cháy, do chỉ huy chữa cháy quyết định.

4. Chữa cháy rừng vào ban đêm

Căn cứ vào tình hình thực tế, chỉ huy lực lượng chữa cháy quyết định hình thức chữa cháy phù hợp, cụ thể:

a) Điều kiện trạng thái thực bì nhỏ (chiều cao thực bì $\leq 1\text{m}$, tỉ lệ độ che phủ $\leq 40\%$), địa hình tương đối bằng phẳng, lực lượng, phương tiện đảm bảo, áp dụng biện pháp chữa cháy trực tiếp.

b) Điều kiện trạng thái thực bì lớn (chiều cao thực bì $> 1\text{m}$, tỉ lệ độ che phủ $> 40\%$), địa hình phức tạp, lực lượng, phương tiện không đảm bảo và nhằm đảm bảo an toàn tính mạng người chữa cháy, áp dụng biện pháp chữa cháy gián tiếp.

Điều 13. Các nhiệm vụ liên quan trong chữa cháy rừng

1. Nhiệm vụ dẫn đường: Chủ rừng, chính quyền địa phương, Kiểm lâm có trách nhiệm dẫn đường tiếp cận đám cháy, đảm bảo các yêu cầu sau:

- a) Bố trí đủ người dẫn đường vào chữa cháy.
- b) Phải có biển hướng dẫn chỉ đường vào đám cháy.
- c) Phải có bản hướng dẫn lấy nước nếu khu vực xảy ra cháy có hồ nước, khe suối.

2. Nhiệm vụ tham mưu chỉ huy: Kiểm lâm chủ trì, chủ rừng phối hợp tham mưu các biện pháp chữa cháy cho chỉ huy chữa cháy các cấp.

3. Nhiệm vụ hậu cần: Các lực lượng tham gia chữa cháy phải đảm bảo hậu cần, phương tiện, thiết bị, nhiên liệu,... cho đơn vị mình.

Mục 3

QUY ĐỊNH VỀ NHIỆM VỤ SAU KHI CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 14. Xử lý triệt để tàn lửa và bảo vệ hiện trường

1. Trách nhiệm chính: Sau khi không chế và dập tắt hoàn toàn được đám

cháy, chủ rừng có trách nhiệm chủ trì trong công tác phân công người xử lý triệt để tàn lửa, tránh để đám cháy bùng phát trở lại.

2. Trách nhiệm phối hợp: Lực lượng Kiểm lâm, chính quyền địa phương phân công người phối hợp với chủ rừng để trực giám sát đám cháy sau khi được dập tắt; tổ chức bảo vệ hiện trường nhằm phục vụ cho công tác điều tra, xác minh nguyên nhân gây cháy và đối tượng vi phạm.

Điều 15. Xác định thiệt hại do cháy rừng và giải pháp phục hồi rừng sau khi cháy

1. Chủ rừng có trách nhiệm xác định mức độ thiệt hại do cháy rừng gây ra theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

a) Xác định diện tích, loại rừng, trạng thái rừng bị cháy, đánh giá mức độ thiệt hại và xác định diện tích rừng bị thiệt hại do cháy rừng; khả năng phục hồi rừng sau khi cháy; những thiệt hại về người, tài sản, và các thiệt hại khác (nếu có).

b) Báo cáo vụ cháy rừng: Thực hiện khoản 9 Điều 10, Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày vụ cháy rừng được dập tắt, chủ rừng có trách nhiệm lập báo cáo về cháy rừng gửi Hạt Kiểm lâm; trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của chủ rừng, Hạt Kiểm lâm có trách nhiệm báo cáo Chi cục Kiểm lâm thành phố. Nội dung báo cáo về cháy rừng của chủ rừng thực hiện theo Mẫu số 18 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 16/2025/TT-BNNMT. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Hạt Kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm thành phố báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.

2. Chủ rừng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phục hồi rừng sau khi cháy theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

3. Cơ quan Kiểm lâm có trách nhiệm hỗ trợ chủ rừng và kiểm tra, giám định khi cần thiết về kết quả xác định thiệt hại do cháy rừng gây ra do chủ rừng báo cáo. Giám sát việc thực hiện phục hồi rừng của chủ rừng.

Điều 16. Xác định nguyên nhân gây cháy rừng

1. Tất cả các vụ cháy rừng đều phải được điều tra, xác định nguyên nhân gây cháy để làm căn cứ xử lý, rút kinh nghiệm và có biện pháp phòng ngừa. Việc xác định nguyên nhân gây cháy rừng được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 52, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm và các tình tiết liên quan, để xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Chính quyền địa phương, chủ rừng có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng điều tra, truy tìm thủ phạm gây cháy rừng.

Điều 17. Tổ chức họp rút kinh nghiệm chữa cháy

1. Sau khi vụ cháy được dập tắt, chủ rừng chủ động tổ chức họp rút kinh nghiệm về công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn rừng do mình quản lý; trong thời hạn 03 ngày làm việc, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Hạt Kiểm lâm.

2. Tùy theo tình hình cụ thể, Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tổ chức họp rút kinh nghiệm về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn, lĩnh vực quản lý.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Hằng năm, lập dự toán kinh phí phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng cho các đơn vị trực thuộc và phân bổ kinh phí đúng quy định.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ rừng trong phòng cháy, chữa cháy rừng ở địa phương; việc phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 19. Sở Tài chính

Trên cơ sở căn cứ khả năng cân đối ngân sách thành phố để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí nguồn lực thực hiện quy chế phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương và các quy định hiện hành.

Điều 20. Sở Y tế

Khi nhận được tin báo cháy rừng, Sở Y tế có trách nhiệm bố trí xe cấp cứu và lực lượng y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc sơ cấp cứu người bị nạn tại địa điểm xảy ra cháy rừng.

Điều 21. Công an thành phố

1. Chỉ đạo Công an cấp xã phối hợp với lực lượng Kiểm lâm tham gia ý kiến đối với Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định; phối hợp, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

2. Tiếp nhận điều tra, xử lý các vụ vi phạm pháp luật hình sự trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo, huy động lực lượng, phương tiện của Công an cấp xã, lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tham gia phối hợp chữa cháy rừng khi có lệnh điều động của cấp có thẩm quyền.

Điều 22. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 02/2020/NĐ-CP Chính phủ quy định về hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ.

2. Giáo dục cán bộ, chiến sĩ nắm vững và chấp hành nghiêm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng. Các đơn vị đóng quân trong rừng, gần rừng phối hợp với lực lượng Kiểm lâm, chính quyền địa phương tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; chấp hành nghiêm quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng ở nơi đóng quân.

3. Chỉ đạo các đơn vị đóng quân trong rừng, gần rừng xây dựng Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, tổ chức tuần tra và sẵn sàng phối hợp tham gia chữa cháy rừng theo đề nghị của người có thẩm quyền huy động tại Điều 8 Quy chế này.

4. Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm kiểm tra, xử lý kịp thời đối với những đơn vị, chiến sĩ vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 23. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, theo thẩm quyền và phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm:

1. Thành lập Ban Chỉ đạo cấp xã, chỉ đạo xây dựng quy chế phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn.

2. Xây dựng Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng gửi đến Hạt Kiểm lâm, Công an cấp xã tham gia ý kiến theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

3. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn người dân địa phương việc sử dụng lửa trong sản xuất, canh tác, xử lý thực bì trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn người dân thực hiện đúng thời điểm, địa điểm; tổ chức ký cam kết bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng đối với các hộ dân có hoạt động sản xuất, canh tác gần rừng.

5. Tổ chức kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy rừng theo chế độ định kỳ và đột xuất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 50 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

6. Huy động, điều phối và phân công các lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, vật tư và nguồn lực để chữa cháy rừng; bảo đảm các điều kiện phục vụ chữa cháy.

7. Quyết định cấp kinh phí từ nguồn ngân sách của địa phương và nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý các nhu cầu kinh phí cho chữa cháy rừng trên địa bàn ngoài dự toán chi hằng năm đã được phê duyệt; có trách nhiệm thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho lực lượng tham gia chữa cháy rừng do mình huy động.

8. Chỉ đạo tổ chức chữa cháy rừng, điều tra nguyên nhân gây cháy rừng và khắc phục hậu quả vụ cháy rừng.

Điều 24. Chi cục Kiểm lâm

1. Hằng năm, tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng phù hợp với diễn biến của thời tiết. Chỉ đạo các Hạt Kiểm lâm phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Phương án huy động lực lượng chữa cháy rừng cấp xã.

2. Thiết lập đường dây nóng, thông qua các mạng xã hội để thu nhận thông tin báo cháy rừng của người dân. Theo dõi và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc theo dõi các điểm cảnh báo cháy từ vệ tinh trên Website <https://vnforest.gov.vn/> của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, kết hợp cảnh báo từ Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh thành phố Huế (HueIOC), chòi canh lửa rừng và các chốt trực gác để phát hiện sớm các điểm cháy rừng; chỉ đạo các Hạt Kiểm lâm, Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng, các chủ rừng kiểm tra, xác minh và tổ chức chữa cháy kịp thời.

3. Hướng dẫn, xây dựng chương trình tuyên truyền về phòng cháy, chữa cháy rừng cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý; xây dựng cơ sở dữ liệu cháy rừng, bản đồ khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy rừng cao.

4. Huy động kịp thời, bố trí lực lượng, phương tiện, thiết bị của lực lượng Kiểm lâm đảm bảo để hỗ trợ chữa cháy rừng tại hiện trường.

5. Tham mưu các biện pháp chữa cháy cho người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy các cấp tại hiện trường.

6. Chủ trì, phối hợp Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng theo chế độ kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất.

7. Chủ trì, phối hợp với Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, cơ quan điều tra, xác định nguyên nhân, đối tượng gây cháy rừng, mức độ thiệt hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh Huế (HueIOC) về chuyển đổi số trong phòng cháy chữa cháy rừng, chia sẻ dữ liệu cảnh báo cháy rừng vệ tinh (VNForest), bản đồ nguy cơ cháy, hệ thống camera, UAV quan sát cảnh báo sớm về cháy rừng.

Điều 25. Trách nhiệm của Chủ rừng

Chủ rừng theo quy định tại Điều 8 Luật Lâm nghiệp, trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm:

1. Lập và thực hiện phương án Phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định;
2. Khi xảy ra cháy rừng, chủ rừng phải kịp thời tổ chức chữa cháy rừng, thông báo ngay cho lực lượng tham gia chữa cháy rừng cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này; khắc phục hậu quả sau cháy rừng;
3. Đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị, dụng cụ bảo đảm về số lượng và chất lượng, đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phòng cháy và chữa cháy rừng trong mọi tình huống cháy rừng; đồng thời đảm bảo kinh phí hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định hiện hành của Nhà nước, có trách nhiệm thanh toán kinh phí từ nguồn kinh phí của chủ rừng cho lực lượng do chủ rừng huy động theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

4. Chủ động, phối hợp cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng điều tra, truy tìm thủ phạm gây cháy rừng.

Điều 26. Các cơ quan thông tin đại chúng

1. Tổ chức tuyên truyền quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng; phổ biến kiến thức về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về phòng cháy, chữa cháy rừng; chủ động và phối hợp với Chi cục Kiểm lâm thông báo kịp thời các bản tin cấp dự báo cháy rừng trong suốt các tháng mùa khô.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn triển khai, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quy chế này, tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Trường hợp những quy định của pháp luật được dẫn chiếu áp dụng trong Quy chế này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo quy định mới đang có hiệu lực./.